

Khóa Tụng Thần Chú
THỦ LĂNG NGHIÊM

CHÙA DƯỢC SƯ
ĐỨC TRỌNG - LÂM ĐỒNG

Tỳ-kheo-ni HẢI TRIỀU ÂM soạn dịch

Khóa Tụng Thân Chủ
THỦ LĂNG NGHIÊM

Tái bản lần thứ 4

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PL/ 2565 – 2021

Khóa Tụng **THẦN CHÚ THỦ LĂNG NGHIÊM**



TÁN PHẬT

**Đấng Pháp-vương Vô-thượng,
Ba cõi chẳng ai bằng.
Đạo sư khắp trời người,
Cha lành chung bốn loài.
Quy y tròn một niệm,
Dứt sạch nghiệp ba kỵ,
Xưng dương cùng tán thán,
Ức kiếp không cùng tận.
Phật, chúng sanh tánh thường
không tịch,
Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn.**



**Lưới đế châu ví đạo tràng,
Mười phương Phật bảo hào quang
sáng ngời.
Trước bảo tọa thân con ảnh hiện,
Cúi đầu xin thệ nguyện quy y.**

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ:

**- Nam mô Tận Hư Không Biến
Pháp Giới Quá Hiện Vị Lai Mười
Phương Chư Phật, Tôn Pháp, Hiền
Thánh Tăng Thường Trụ Tam-bảo.**

(1 lê)

**- Nam mô Ta Bà Giáo chủ Diều
Ngự Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
Long Hoa Giáo chủ Di Lặc Tôn Phật,
Đại trí Văn Thủ Sư Lợi Bồ-tát, Đại
hạnh Phổ Hiền Bồ-tát, Hộ Pháp Chư**



Tôn Bồ-tát, Đạo tràng hội thượng Phật Bồ-tát, Nhất Thiết Chư Hiền Thánh Tăng. (1 lĕ)

– Nam mô Tây phương An Lạc thế giới, Đại từ Đại bi Tiếp dẫn Đạo sư A Di Đà Phật, Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ-tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát. (1 lĕ)

– Nam mô Đông phương Tịnh Lưu Ly thế giới Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật, Nhật Quang Biến Chiếu Bồ-tát, Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ-tát, Đông phương hải hội Dược Sư Phật Bồ-tát, Thanh Tịnh Đại Hải Nhất Thiết Thánh Chúng. (1 lĕ)



**- Nam mô Tây Thiên Đông Độ
Việt Nam Lịch Đại Nhất Thiết Chư
Vị Tổ Sư. (1 lê)**

(Ngôi xuống, tụng mõ)

TÁN HƯƠNG

**Lư trầm vừa đốt, pháp giới
thơm lừng.
Xa đưa hải hội Phật đều mừng.
Đâu đâu cũng thấy cát tường vân.
Thành ý ân cần, chư Phật hiện
toàn thân.**

***Nam mô Hương Văn Cái Bồ-tát
ma-ha-tát. (3 lần)***



CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ NAM MÔ LĂNG NGHIÊM HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT.

(3 lês)

(Ngồi xuống, tụng mõ)

Diệu trạm, tổng trì, đắng bất động.
Thủ Lăng Nghiêm thế gian hiếm có,
Tiêu diên đảo tưởng từ ức kiếp,
Khiến tu hành mau chứng Pháp-thân.
Nguyệt con sớm đắc quả Bảo vương,
Như Phật tế độ hằng sa chúng.
Thâm tâm phụng thờ vi trần cõi
Như thế gọi là báo Phật ân.
Lại thỉnh Thế Tôn vì chứng minh:
Ngũ trước ác thế, thế vào trước,
Còn một chúng sanh chưa thành Phật
Thì con còn chưa hưởng Niết-bàn.



**Đại hùng, Đại lực, Đại từ bi,
Vì con thầm trù vi tế hoặc
Khiến con sớm lên Vô-thượng Giác,
Ngôi đạo tràng ở khắp mười phương.
Hư không kia có thể tiêu vong,
Tâm kim cương chẳng bao giờ chuyển.**



Lúc đó Đức Thế Tôn từ nơi nhục
kế phóng ra trăm thứ hào quang
báu. Trong hào quang hiện ra hoa
sen báu ngàn cánh, có hóa thân Như
Lai ngồi trong hoa sen, trên đỉnh
phóng ra mười đạo hào quang bách
bảo. Trong mỗi mỗi đạo hào quang
đều hiện ra những vị Kim Cương Mật
Tích, số lượng bằng mười số cát sông
Hằng, xách núi cầm chày khắp cõi hư
không. Đại chúng ngửa lên xem, vừa
kính vừa sợ, cầu Phật thương xót che
chở. Một tâm nghe đức phóng quang
Như Lai, nơi vô kiến đảnh tướng của
Phật, tuyên nói thần chú:



ĐỆ NHẤT

- 1- **Nam mô tát đát tha, tô già đa da,
a ra ha đế tam miệu tam bồ đà tả.**
- 2- **Tát đát tha Phật đà cu tri sắt ni sam.**
- 3- **Nam mô tát bà, bột đà bột địa, tát
đá bệ tệ.**
- 4- **Nam mô tát đà nǎm, tam miệu
tam bồ đà cu tri nǎm.**
- 5- **Ta xá ra bà ca, tăng già nǎm.**
- 6- **Nam mô lô kê a la hán đá nǎm.**
- 7- **Nam mô tô lô đà ba na nǎm.**
- 8- **Nam mô ta yết rị đà già di nǎm.**
- 9- **Nam mô lô kê tam miệu già đá nǎm.**
- 10- **Tam miệu già ba ra đế ba đà na nǎm.**
- 11- **Nam mô đê bà ly sắt noản.**
- 12- **Nam mô tát đà da tỳ địa da, đà ra
ly sắt noản.**



- 13- **Xá ba noa, yết ra ha, ta ha ta ra
ma tha nấm.**
- 14- **Nam mô bạt ra ha ma ni.**
- 15- **Nam mô nhơn đà ra da.**
- 16- **Nam mô bà già bà đế.**
- 17- **Lô đà ra da.**
- 18- **Ô ma bát đế.**
- 19- **Ta hê dạ da.**
- 20- **Nam mô bà già bà đế.**
- 21- **Na ra dã, noa da.**
- 22- **Bàn giá ma ha, tam mộ đà ra.**
- 23- **Nam mô tất yết rị đà da.**
- 24- **Nam mô bà già bà đế.**
- 25- **Ma ha ca ra da.**
- 26- **Địa rị bát lặt na già ra.**
- 27- **Tỳ đà ra, ba noa ca ra da.**
- 28- **A địa mục đế.**



- 29- **Thi ma xá na nê, bà tất nê.**
- 30- **Ma đát rị già noa.**
- 31- **Nam mô tất yết rị đa da.**
- 32- **Nam mô bà già bà đế.**
- 33- **Đa tha già đa cu ra da.**
- 34- **Nam mô bát đầu ma cu ra da.**
- 35- **Nam mô bạt xà ra cu ra da.**
- 36- **Nam mô ma ni cu ra da.**
- 37- **Nam mô già xà cu ra da.**
- 38- **Nam mô bà già bà đế.**
- 39- **Đế rị trà du ra tây na.**
- 40- **Ba ra ha ra noa ra xà da.**
- 41- **Đa tha già đa da.**
- 42- **Nam mô bà già bà đế.**
- 43- **Nam mô a di đa bà da.**
- 44- **Đa tha già đa da.**
- 45- **A ra ha đế.**



- 46- **Tam miệu tam bồ đà da.**
- 47- **Nam mô bà già bà đế.**
- 48- **A sô bệ da.**
- 49- **Đa tha già da da.**
- 50- **A ra ha đế.**
- 51- **Tam miệu tam bồ đà da.**
- 52- **Nam mô bà già bà đế.**
- 53- **Bệ sa xà da, cu lô phê trụ rị da.**
- 54- **Bát ra bà ra xà da.**
- 55- **Đa tha già đà da.**
- 56- **Nam mô bà già bà đế.**
- 57- **Tam bồ sư bí đà.**
- 58- **Tát lân nại ra lặc xà da.**
- 59- **Đa tha già đà da.**
- 60- **A ra ha đế.**
- 61- **Tam miệu tam bồ đà da.**
- 62- **Nam mô bà già bà đế.**



- 63- Xá kê dã mᾶu na duệ.
- 64- Đa tha già đa da.
- 65- A ra ha đế.
- 66- Tam miệu tam bồ đà da.
- 67- Nam mô bà già bà đế.
- 68- Lặc đát na kê đô ra xà da.
- 69- Da tha già đa da.
- 70- A ra ha đế.
- 71- Tam miệu tam bồ đà da.
- 72- Đế biều, nam mô tất yết rị đa.
- 73- É đàm, bà già bà đa.
- 74- Tát đát tha, già đô sắt ni sam.
- 75- Tát đát đa, bát đát lam.
- 76- Nam mô a bà ra thị đam.
- 77- Bát ra đế, dương kỳ ra.
- 78- Tát ra bà, bộ đa yết ra ha.
- 79- Ni yết ra ha, yết ca ra ha ni.



- 80- **Bạt ra, bí địa da, sất đà nẽ.**
- 81- **A ca ra, mật rị trụ.**
- 82- **Bát rị đát ra da, nãnh yết rị.**
- 83- **Tát ra bà, bàn đà na, mục xoa ni.**
- 84- **Tát ra bà, đột sắt tra.**
- 85- **Đột tất phap, bát na nẽ, phat ra ni.**
- 86- **Già đô ra, thất đế nấm.**
- 87- **Yết ra ha, ta ha tát ra nhã xà.**
- 88- **Tỳ đa băng ta na yết rị.**
- 89- **A sắt tra băng xá đế nấm.**
- 90- **Na xoa sát đát ra nhã xà.**
- 91- **Ba ra tát đà na yết rị.**
- 92- **A sắt tra nấm.**
- 93- **Ma ha yết ra ha nhã xà.**
- 94- **Tỳ đa băng tát na yết rị.**
- 95- **Tát bà xá đô lô, nẽ bà ra nhã xà.**



- 96- **Hô lam đột tất phap, nan giá na
xá ni.**
- 97- **Bí sa xá, tất đát ra.**
- 98- **A kiết ni, ô đà ca ra nhã xà.**
- 99- **A bát ra thị đa cu ra.**
- 100- **Ma ha bát ra chiến trì.**
- 101- **Ma ha điệp đa.**
- 102- **Ma ha đế xà.**
- 103- **Ma ha thuế đa xà bà ra.**
- 104- **Ma ha bạt ra bàn đà ra, bà tất nẽ.**
- 105- **A rị da đa ra.**
- 106- **Tỳ rị cu tri.**
- 107- **Thệ bà tỳ xà da.**
- 108- **Bạt xà ra, ma lẽ đế.**
- 109- **Tỳ xá rô đa.**
- 110- **Bột đằng dõng ca.**
- 111- **Bạt xà ra, ché hắc na a giá.**



- 112- **Ma ra chĕ bà, bát ra chăt đă.**
- 113- **Bạt xà ra thiện trì.**
- 114- **Tỳ xá ra giá.**
- 115- **Phiến da xá, bệ dĕ bà, bồ thị da.**
- 116- **Tô ma rô ba.**
- 117- **Ma ha thuế đă.**
- 118- **A rị da đă ra.**
- 119- **Ma ha bà ra, a bát ra.**
- 120- **Bạt xà ra, thương yết ra chĕ bà.**
- 121- **Bạt xà ra, cu ma rị.**
- 122- **Cu lam đă rị.**
- 123- **Bạt xà ra, hăt tát đă giá.**
- 124- **Tỳ địa da kiền giá na, ma rị ca.**
- 125- **Khuất tô mău, bà yết ra đă na.**
- 126- **Bệ rô giá na, cu rị da.**
- 127- **Dạ ra thố, sắt ni sam.**
- 128- **Tỳ chiết lam bà ma ni giá.**



- 129- **Bạt xà ra, ca na, ca ba ra bà.**
- 130- **Lô xà na, bạt xà ra, đốn tri giá.**
- 131- **Thuế đa giá, ca ma ra.**
- 132- **Sát xa thi, ba ra bà.**
- 133- **É đế di đế.**
- 134- **Mẫu đà ra, yết noa.**
- 135- **Ta bệ ra sám.**
- 136- **Quật phạm đô.**
- 137- **Ấn thố na, mạ mạ tả.**

ĐỆ NHỊ

- 138- **Ô hồng,**
- 139- **Rị sát yết noa.**
- 140- **Bát lặt, xá tất đà.**
- 141- **Tát đát tha, già đô sắt ni sam.**
- 142- **Hổ hồng,**



- 143- **Đô lô ung,**
- 144- **Chiên bà na.**
- 145- **Hổ hồng,**
- 146- **Đô lô ung,**
- 147- **Tất đam bà na.**
- 148- **Hổ hồng,**
- 149- **Đô lô ung,**
- 150- **Ba ra sắt địa da, tam bát xoa,
noa yết ra.**
- 151- **Hổ hồng,**
- 152- **Đô lô ung,**
- 153- **Tát bà được xoa, hắt ra sát ta.**
- 154- **Yết ra ha nhã xà.**
- 155- **Tỳ đằng băng tát, na yết ra.**
- 156- **Hổ hồng,**
- 157- **Đô lô ung,**



- 158- **Già đô ra, thi đế nấm.**
- 159- **Yết ra ha, ta ha tát ra nấm.**
- 160- **Tỳ đẳng băng tát na ra.**
- 161- **Hổ hồng,**
- 162- **Đô lô ung,**
- 163- **Ra soa,**
- 164- **Bà già phạm,**
- 165- **Tát đát tha, già đô sắt ni sam.**
- 166- **Ba ra điểm, xà kiết rị.**
- 167- **Ma ha, ta ha tát ra.**
- 168- **Bột thọ ta, ha tát ra, thất rị sa.**
- 169- **Cu tri, ta ha tát nê, đế lệ.**
- 170- **A tệ đế thị, bà rị đa.**
- 171- **Tra tra anh ca.**
- 172- **Ma ha bạt xà lô đà ra.**
- 173- **Đế rị bồ bà na.**



- 174- **Mạn trà ra,**
- 175- **Ô hồng,**
- 176- **Ta tất đế, bạc bà đô.**
- 177- **Mạ mạ,**
- 178- **Ấn thố na, mạ mạ tả.**

ĐỆ TAM

- 179- **Ra xà bà dạ.**
- 180- **Chủ ra bạt dạ.**
- 181- **A kỳ ni bà dạ.**
- 182- **Ô đà ca bà dạ.**
- 183- **Tỳ sa bà dạ.**
- 184- **Xá tát đà ra bà dạ.**
- 185- **Bà ra chươc yết ra bà dạ.**
- 186- **Đột sắt xoa bà dạ.**
- 187- **A xá nẽ bà dạ.**



- 188- **A ca ra mật rị trù bà dạ.**
- 189- **Đà ra ni, bộ di kiêm, ba già ba
đà bà dạ.**
- 190- **Ô ra ca, bà đà bà dạ.**
- 191- **Lạt xà đàn trà bà dạ.**
- 192- **Na già bà dạ.**
- 193- **Tỳ điều đát bà dạ.**
- 194- **Tô ba ra noa bà dạ.**
- 195- **Dược xoa yết ra ha.**
- 196- **Ra xoa tư yết ra ha.**
- 197- **Tất rị đà yết ra ha.**
- 198- **Tỳ xá già yết ra ha.**
- 199- **Bộ đà yết ra ha.**
- 200- **Cưu bàn trà yết ra ha.**
- 201- **Bổ đơn na yết ra ha.**
- 202- **Ca tra bổ đơn na yết ra ha.**
- 203- **Tất kiền đô yết ra ha.**



- 204- **A bá tát ma ra yết ra ha.**
- 205- **Ô đàn ma đà yết ra ha.**
- 206- **Xa dạ yết ra ha.**
- 207- **Hê rị bà đế yết ra ha.**
- 208- **Xã đa ha rị nấm.**
- 209- **Yết bà ha rị nấm.**
- 210- **Rô địa ra ha rị nấm.**
- 211- **Mang ta ha rị nấm.**
- 212- **Mê đà ha rị nấm.**
- 213- **Ma xà ha rị nấm.**
- 214- **Xà đa ha rị nữ.**
- 215- **Thị tờ đa ha rị nấm.**
- 216- **Tỳ đa ha rị nấm.**
- 217- **Bà đa ha rị nấm.**
- 218- **A du giá ha rị nữ.**
- 219- **Chất đa ha rị nữ.**
- 220- **Đế sam tát bệ sam.**



- 221- **Tát bà yết ra ha nǎm.**
- 222- **Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di,**
- 223- **Kê ra dạ di,**
- 224- **Ba rị bạt ra giả ca, hất rị đởm.**
- 225- **Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di,**
- 226- **Kê ra dạ di,**
- 227- **Trà diễn ni, hất rị đởm.**
- 228- **Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di,**
- 229- **Kê ra dạ di,**
- 230- **Ma ha bát du, bát đát dạ,**
- 231- **Rô đà ra, hất rị đởm.**
- 232- **Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di,**
- 233- **Kê ra dạ di,**
- 234- **Na ra dạ noa, hất rị đởm.**
- 235- **Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di,**
- 236- **Kê ra dạ di,**
- 237- **Đát đỏa già rô trà tây, hất rị đởm.**



- 238- **Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di,**
239- **Kê ra dạ di,**
240- **Ma ha ca ra, ma đát rị già noa,**
hất rị đởm.
- 241- **Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di,**
242- **Kê ra dạ di,**
243- **Ca ba rị ca, hất rị đởm.**
- 244- **Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di,**
245- **Kê ra dạ di,**
246- **Xà da yết ra, ma độ yết ra,**
247- **Tát bà ra tha ta đạt na, hất rị đởm.**
- 248- **Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di,**
249- **Kê ra dạ di,**
250- **Giả đốt ra, bà kỳ nẽ, hất rị đởm.**
- 251- **Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di,**
252- **Kê ra dạ di,**
253- **Tỳ rị dương hất rị tri,**



- 254- **Nan đà kê sa ra, già noa bát đế,**
- 255- **Sách hê dạ, hất rị đởm.**
- 256- **Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di,**
- 257- **Kê ra dạ di,**
- 258- **Na yết na xá ra bà noa, hất rị đởm.**
- 259- **Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di,**
- 260- **Kê ra dạ di,**
- 261- **A la hán, hất rị đởm, tỳ đà dạ xà,
sân đà dạ di,**
- 262- **Kê ra dạ di,**
- 263- **Tỳ đà ra già, hất rị đởm.**
- 264- **Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di,**
- 265- **Kê ra dạ di, bạt xà ra ba nẽ,**
- 266- **Cu hê dạ, cu hê dạ,**
- 267- **Ca đìa bát đế, hất rị đởm.**
- 268- **Tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di,**
- 269- **Kê ra dạ di,**



- 270- **Ra xoa võng,**
271- **Bà già phạm,**
272- **Ấn thố na mạ mạ tả.**

ĐỆ TỨ

- 273- **Bà già phạm,**
274- **Tát đát đà, bát đát ra.**
275- **Nam mô túy đô đế.**
276- **A tất đà na ra lạt ca.**
277- **Ba ra bà, tất phổ tra.**
278- **Tỳ ca tát đát đà bát đát rị.**
279- **Thập phật ra thập phật ra.**
280- **Đà ra đà ra.**
281- **Tần đà ra, tần đà ra, sân đà sân đà.**
282- **Hổ hồng,**
283- **Hổ hồng.**



- 284- **Phán tra,**
- 285- **Phán tra, phán tra, phán tra,
phán tra.**
- 286- **Ta ha,**
- 287- **Hê hê phán.**
- 288- **A mâu ca da phán.**
- 289- **A ba ra đê ha đa phán.**
- 290- **Bà ra ba ra đà phán.**
- 291- **A tố ra, tỳ đà ra, ba ca phán.**
- 292- **Tát bà đê bệ tệ phán.**
- 293- **Tát bà na già tệ phán.**
- 294- **Tát bà được xoa tệ phán.**
- 295- **Tát bà càn thát bà tệ phán.**
- 296- **Tát bà bổ đơn na tệ phán.**
- 297- **Ca tra bổ đơn na tệ phán.**
- 298- **Tát bà đột lang chỉ đế tệ phán.**



- 299- **Tát bà đột sáp tỳ lê, hất sắt đế tê phấn.**
- 300- **Tát bà thập bà lê tê phấn.**
- 301- **Tát bà a bá tất mạ lê tê phấn.**
- 302- **Tát bà xá ra bà noa tê phấn.**
- 303- **Tát bà địa đế kê tê phấn.**
- 304- **Tát bà đát ma đà kê tê phấn.**
- 305- **Tát bà tỳ đà da ra thệ giá lê tê phấn.**
- 306- **Xà dạ yết ra, ma độ yết ra.**
- 307- **Tát bà ra tha ta đà kê tê phấn.**
- 308- **Tỳ địa dạ giá lê tê phấn.**
- 309- **Giả đô ra, phược kỳ nễ tê phấn.**
- 310- **Bạt xà ra, cu ma rị.**
- 311- **Tỳ đà dạ, ra thệ tê phấn.**
- 312- **Ma ha ba ra đinh dương, soa kỳ rị tê phấn.**
- 313- **Bạt xà ra thương yết ra dạ.**



- 314- **Ba ra trượng kỵ ra xà da phấn.**
- 315- **Ma ha ca ra dạ.**
- 316- **Ma ha mạt đát rị ca noa.**
- 317- **Nam mô ta yết rị da dạ phấn.**
- 318- **Bí sát noa tỳ duệ phấn.**
- 319- **Bột ra ha mâu ni duệ phấn.**
- 320- **A kỵ ni duệ phấn.**
- 321- **Ma ha yết rị duệ phấn.**
- 322- **Yết ra đàn trì duệ phấn.**
- 323- **Miệt đát rị duệ phấn.**
- 324- **Lao đát rị duệ phấn.**
- 325- **Giá văn trà duệ phấn.**
- 326- **Yết la ra đát rị duệ phấn.**
- 327- **Ca bát rị duệ phấn.**
- 328- **A địa mục chất đà, ca thi ma xá na.**
- 329- **Bà tư nễ duệ phấn.**
- 330- **Diễn kiết chất,**



331- **Tát đỏa bà tả,**

332- **Mạ mạ ấn thố na mạ mạ tả.**

ĐỆ NGŨ

333- **Đột sắt tra chất da.**

334- **A mặt đát rị chất da.**

335- **Ô xà ha ra.**

336- **Già bà ha ra.**

337- **Rô địa ra ha ra.**

338- **Ta bà ha ra.**

339- **Ma xà ha ra.**

340- **Xà đà ha ra.**

341- **Thị bí đà ha ra.**

342- **Bạt lược dạ ha ra.**

343- **Càn đà ha ra.**

344- **Bố sử ba ha ra.**

345- **Phả ra ha ra.**



- 346- **Bà tả ha ra.**
- 347- **Bát ba chất đa.**
- 348- **Đột sắt tra chất đa.**
- 349- **Lao đà ra chất đa.**
- 350- **Dược xoa yết ra ha.**
- 351- **Ra sát ta yết ra ha.**
- 352- **Bế lê đà yết ra ha.**
- 353- **Tỳ xá giá yết ra ha.**
- 354- **Bộ đà yết ra ha.**
- 355- **Cưu bàn trà yết ra ha.**
- 356- **Tất càn đà yết ra ha.**
- 357- **Ô đát ma đà yết ra ha.**
- 358- **Xa dạ yết ra ha.**
- 359- **A bá tát ma ra yết ra ha.**
- 360- **Trạch khê cách, trà kỳ ni yết ra ha.**
- 361- **Rị phật đế yết ra ha.**
- 362- **Xà di ca yết ra ha.**



- 363- **Xá cu ni yết ra ha.**
- 364- **Mụ đà ra nan địa ca yết ra ha.**
- 365- **A lam bà yết ra ha.**
- 366- **Càn độ ba ni yết ra ha.**
- 367- **Thập phật ra, yên ca hê ca.**
- 368- **Trụy đế được ca.**
- 369- **Đát lệ đế được ca.**
- 370- **Giả đột thác ca.**
- 371- **Ni đề thập phật ra, bí sam ma
thập phật ra.**
- 372- **Bạc đế ca.**
- 373- **Tỵ đế ca.**
- 374- **Thất lệ sát mật ca.**
- 375- **Ta nễ bát đế ca.**
- 376- **Tát bà thập phật ra.**
- 377- **Thất rô kiết đế.**
- 378- **Mạt đà bệ đạt rô chế kiêm.**



- 379- **A ỷ rô kiêm.**
- 380- **Mục khê rô kiêm.**
- 381- **Yết rị đột rô kiêm.**
- 382- **Yết ra ha yết lam.**
- 383- **Yết noa du lam.**
- 384- **Đản đà du lam.**
- 385- **Hất rị dạ du lam.**
- 386- **Mạt mạ du lam.**
- 387- **Bạt rị thất bà du lam.**
- 388- **Bí lật sắt tra du lam.**
- 389- **Ô đà ra du lam.**
- 390- **Yết tri du lam.**
- 391- **Bạt tất đế du lam.**
- 392- **Ô rô du lam.**
- 393- **Thường già du lam.**
- 394- **Hắt tất đà du lam.**
- 395- **Bạt đà du lam.**



- 396- **Ta phòng án già bát ra, trượn già du lam.**
- 397- **Bộ đa bí đá trà.**
- 398- **Trà kỳ ni thập bà ra.**
- 399- **Đà đột rô ca, kiến đốt rô kiết tri, bà lộ đa tỳ.**
- 400- **Tát bát rô ha lăng già.**
- 401- **Du sa đát ra, ta na yết ra.**
- 402- **Tỳ sa dụ ca.**
- 403- **A kỳ ni, ô đà ca.**
- 404- **Mạt ra bệ ra, kiến đá ra.**
- 405- **A ca ra, mật rị đốt, đát liêm bộ ca.**
- 406- **Địa lật lạt tra.**
- 407- **Bí rị sắt chất ca.**
- 408- **Tát bà na cu ra.**
- 409- **Tứ dẫn già tệ, yết ra rị được xoa, đát ra sô.**
- 410- **Mạt ra thi, phê đế sam ta bệ sam.**



- 411- Tất đát đà, bát đát ra.
- 412- Ma ha bạt xà rô, sắt ni sam.
- 413- Ma ha bát lạt trượng kỳ lam.
- 414- Dạ ba đột đà xá dụ xà na.
- 415- Biện đát lệ noa.
- 416- Tỳ đà da, bàn đàm ca rô di.
- 417- Đế thù, bàn đàm ca rô di.
- 418- Bát ra tỳ đà, bàn đàm ca rô di.
- 419- Đát diệt tha.
- 420- Án,
- 421- A na lê,
- 422- Tỳ xá đề,
- 423- Bệ ra, bạt xà ra, đà ri,
- 424- Bàn đà, bàn đà nẽ,
- 425- Bạt xà ra báng ni phán,
- 426- Hổ hồng đô rô ung phán,
- 427- Ta bà ha.



CHÚ ĐẠI BI

**Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại
bi tâm đà la ni.**

**Nam mô hắt ra đát na đa ra dạ da.
Nam mô a rị da, bà rô yết đế thước
bát ra da, bồ đề tát đóa bà da, ma ha
tát đóa bà da, ma ha ca rô ni ca da.
Án, tát bàn ra phạt duệ, sổ đát na
đát tả.**

**Nam mô tất kiết lặt đóa y mông a
rị da, bà rô kiết đế thất phạt ra lăng
đà bà.**

**Nam mô na ra cẩn trì hê rị ma ha
bàn đa sa mế. Tát bà a tha đậu du
bằng, a thệ dựng, tát bà tát đà na
ma bà già, ma phạt đạt đậu, đát diệt**



tha. Án a bà rô hê, rô ca đế, ca ra đế,
di hê rị. Ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà
tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê rị
đà dựng. Cu rô cu rô yết mông. Độ
rô độ rô phật xà da đế, ma ha phật
xà da đế. Đà ra đà ra, địa rị ni, thất
phật ra da. Giá ra giá ra. Mạ mạ phật
ma ra. Mục đế lệ, y hê di hê. Thất na
thất na. A ra sâm phật ra xá rị, phật
sa phật sâm, phật ra xá da. Hô rô hô
rô ma ra, hô rô hô rô hê rị. Ta ra ta
ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, bồ đề dạ
bồ đề dạ, bồ đà dạ bồ đà dạ. Di đế rị
dạ, na ra cẩn trì. Địa rị sắt ni na, ba
dạ ma na, ta bà ha. Tất đà dạ, ta bà
ha. Ma ha tất đà dạ, ta bà ha. Tất đà
dū nghệ, thất bàn ra dạ, ta bà ha. Na
ra cẩn trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta
bà ha. Tất ra tăng a mục khê da, ta



bà ha. Ta bà ma ha a tất đà dạ, ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cẩn trì bàn già ra dạ, ta bà ha. Ma bà rị thắng yết ra dạ, ta bà ha. Nam mô hắt ra đát na đà ra dạ da. Nam mô a rị da, bà rô kiết đế, thuốc bàn ra dạ, ta bà ha.

Án tất điện đô, mạn đà ra, bạt đà da, ta bà ha.

THẬP CHÚ

1. Như Ý Bảo Luân Vương Đà La Ni

Nam mô Phật đà da.

Nam mô Đạt mạt da.

Nam mô Tăng già da.



**Nam mô Quán Tự Tại Bồ-tát ma
 ha tát, cụ đại bi tâm giả, đát diệt
 tha. Án, chước yết ra phật để, chấn
 đa mạt ni, ma ha bát đắng mế, rô rô
 rô rô, để sắt tra, thước ra a yết rị, sa
 dạ hồng, phấn tá ha. Án, bát đạt ma,
 chấn đa mạt ni, thước ra hồng. Án,
 bát lạt đà, bát đắng mế hồng.**

2. Tiêu Tai Cát Tường Thân Chú

**Nắng mô tam mãn đà, một đà nấm,
 a bát ra để, hạ đà xá, ta nắng nấm, đát
 diệt tha. Án, khê khê, khê hế, khê hế,
 hồng hồng, nhập phạ ra, nhập phạ ra,
 bát ra nhập phạ ra, bát ra nhập phạ
 ra, để sắt sá, để sắt sá, sắt trí rị, sắt
 trí rị, ta phấn tra, ta phấn tra, phiến
 để ca, thất rị duệ, ta bà ha.**



3. Công Đức Bảo Sơn Thần Chú

Nam mô Phật đà da.

Nam mô Đạt mạt da.

Nam mô Tăng già da.

**Án tất đế hộ rô rô, tất đô rô, chỉ
rị ba, kiết rị bà, tất đạt rị, bố rô rị,
ta phạ ha.**

4. Phật Mẫu Chuẩn Đề Thần Chú

Khể thủ quy y Tô Tất Đế,

Đầu diện đánh lễ thất cu chi.

Ngã kim xưng tán đại Chuẩn Đề.

Duy nguyện từ bi thùy gia hộ.

**Nam mô tát đa nǎm, tam miệu tam
bồ đề, cu chi nǎm, đát diệt tha. Án,
chiết lệ chủ lệ Chuẩn Đề ta bà ha.**



5. Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định

Quang Minh Vương Đà La Ni

**Án nại ma ba cát ngõa đế, a ba
ra mật đạp, a ưu rị a nạp, tô tất nẽ,
thiệt chất đạp, điệp tả ra tẽ giā,
đát tháp cả đạt giā, a ra ha đế, tam
dược tam bất đạt giā, đát nẽ giā
tháp. Án tát rị ba, tang tư cát rị,
bát rị thuật đạp, đạt ra mā đế, cả
cả nại, tang mā ngọt cả đế, ta ba
ngõa tỳ thuật đế, mā hát nại giā,
bát rị ngõa rị tá hát.**

6. Dược Sư Lưu Ly Quán Đánh Chơn Ngôn

**Nam mô bạc già phạt đế, bệ sai
xã, lũ rô, bệ lưu ly, bát lạt bà, hát
ra xà giả. Đát tha yết đa da, a ra hát
đế, tam miệu tam bột Đà da, đát diệt**



**tha. Án, bệ sai thê, bệ sai thê, bệ sai
xã, tam một yết đế, tá ha.**

7. Quán Âm Linh Cảm Chơn Ngôn

**Án, ma ni bát di hồng, ma hắt
nghê nha nạp, tích đô đặc, ba đạt,
tích đặt ta nạp, di đạt rị cát tát, nhi
cán nhi tháp, bốc rị tất tháp, cát
nạp bổ ra nạp, nạp bốc rị, thuỷ thắt,
ban nạp, nại ma lô kiết, thuyết ra
da tá ha.**

8. Thất Phật Diệt Tội Chơn Ngôn

**Ly bà ly bà đế, cầu ha cầu ha đế,
đà ra ni đế, ni ha ra đế, tỳ lê nẽ đế,
ma ha già đế, chơn lăng càn đế, ta
bà ha.**



9. Vãng Sanh Tịnh Độ Thân Chú

**Nam mô a di đà bà dạ, đà tha già
đà dạ, đà diệt dạ tha. A di rị đô bà
tỳ. A di rị đà, tất đam bà tỳ. A di rị
đà, tỳ ca lan đế. A di rị đà, tỳ ca lan
đà, già di nị, già già na, chỉ đà ca lê,
ta bà ha.**

10. Thiện Nữ Thiên Chú

Nam mô Phật đà.

Nam mô Đạt mạt.

Nam mô Tăng già.

**Nam mô thất rị, ma ha đế tỳ da,
đát nẽ dā tha, ba rị phú lâu na, già
rị tam mạn đà, đạt xá ni, ma ha tỳ ha
ra già đế, tam mạn đà, tỳ ni già đế,
ma ha ca rị giã, ba nẽ, ba ra, ba nẽ,
tát rị phạ lật tha, tam mạn đà, tu bát**



lê đế, phú lệ na, a rị na, đạt mạ đế,
ma ha tỳ cổ tất đế, ma ha di lặc đế,
lâu phả tăng kỳ đế, hê đế tỴ, tăng kỳ
hê đế, tam mạn đà a tha, a nậu, đà
ra ni.



KINH TÂM YẾU BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

Bồ-tát Quán Tự Tại thực hành
sâu xa pháp Bát Nhã ba la mật đa.
Ngài soi thấy năm uẩn đều không,
độ thoát hết thảy khổ ách.

Này Xá Lợi Tử! Sắc chẳng khác
không, không chẳng khác sắc. Sắc
tức là không, không tức là sắc. Thọ,
tưởng, hành, thức cũng đều như thế.



Này Xá Lợi Tử! Tướng Không của mọi pháp không sanh không diệt, không nhơ không sạch, không thêm không bớt.

Cho nên trong Chân Không không có sắc; không có thọ, tưởng, hành, thức. Không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn thức giới cho đến không có ý thức giới. Không có vô minh cũng không có hết vô minh cho đến không có già chết cũng không có hết già chết. Không có Khổ Tập Diệt Đạo. Không có trí tuệ cũng không có chứng đắc. Bởi vì vô sở đắc.



Bồ-tát y Bát Nhã ba la mật đa nên tâm không quản ngại. Vì không quản ngại nên không sợ hãi, xa hẳn mộng tưởng diên đảo, đạt tới cứu cánh Niết-bàn. Ba đời chư Phật y Bát Nhã ba la mật đa nên được đạo quả Vô-thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Cho nên biết Bát Nhã ba la mật đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú, trừ được hết thảy khổ, chân thật không hư.

Vì vậy nói chú Bát Nhã ba la mật đa: “Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề, sa bà ha”. (3 lần)

TÁN: Ma ha Bát Nhã ba la mật đa.
(3 lần)



HỒI HƯỚNG

Tử trên hiện tiền thanh tịnh chúng
Phúng tụng Lăng Nghiêm
các kinh chú,
Hồi hướng Tam-bảo
chúng long thiên,
Thủ hộ già lam các Thánh chúng.
Ba đường tám nạn đồng lìa khổ,
Bốn ân ba cõi cộng triêm ân,
Quốc giới an ninh binh lửa tan,
Mưa hòa gió thuận dân vui vẻ.
Đại chúng huân tu mong thắng tấn,
Thập Địa sớm siêu
không chướng ngại,
Ba môn thanh tịnh chẳng còn si,
Đàn tín quy y tăng phước tuệ.



- **Nam mô Ta Bà thế giới, tam giới
Đạo sư, tứ sanh Từ phụ, nhân thiên
Giáo chủ, thiên bách ức hóa thân,
Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.**

- **Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.**
(10 lần)

- **Nam mô Đại trí Văn Thủ Sư Lợi
Bồ-tát.** *(3 lần)*

- **Nam mô Đại hạnh Phổ Hiền
Bồ-tát.** *(3 lần)*

- **Nam mô Hộ Pháp Chư Tôn Bồ-tát.**
(3 lần)

- **Nam mô Đạo tràng hội thượng
Phật Bồ-tát.** *(3 lần)*



TÁN PHẬT

**Sát trần tâm niệm đếm biết được,
Nước trong biển lớn uống hết được,
Lường được hư không, đo được gió,
Không thể nói hết công đức Phật.
Trên trời dưới đất, ai bằng Phật?
Mười phương thế giới, ai sánh tày?
Ta thấy tận cùng khắp thế gian,
Hết thảy không ai như đức Phật.**

CHÍ TÂM ĐÁNH LÊ:

- **Nam mô Ta Bà Giáo chủ, Điều Ngự
Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (3 lê)**
- **Nam mô Đại trí Văn Thủ Sư Lợi
Bồ-tát. (1 lê)**



- Nam mô Đại hạnh Phổ Hiền Bồ-tát.

(1 lê)

- Nam mô Đại từ Di Lặc Bồ-tát. (1 lê)

- Nam mô Hộ Pháp Chư Tôn Bồ-tát.

(1 lê)

- Nam mô Lịch Đại Tổ Sư Bồ-tát.

(1 lê)

**- Nam mô Đạo tràng hội thượng
Phật Bồ-tát, Nhất Thiết Chư Hiền
Thánh Tăng.** (1 lê)

(Quỳ tụng)

PHÁT NGUYỆN

**Đệ tử chúng con tùy thuận tu
tập Phổ Hiền Bồ-tát mười chủng đại
nguyên:**

Một là lê kính chư Phật.



Hai là xứng tán Như Lai.
Ba là rộng tu cúng dường.
Bốn là sám hối nghiệp chướng.
Năm là tùy hỷ công đức.
Sáu là thỉnh chuyển pháp luân.
Bảy là thỉnh Phật trụ thế.
Tám là thường theo học Phật.
Chín là tùy thuận chúng sanh.
Mười là khắp đều hồi hướng.

TÁN LỄ THÍCH TÔN

Năng lực nhân từ trên vạn Thánh,
Nhân tu nhiều kiếp đã lâu xa,
Đâu Suất giáng thần,
Vĩnh từ ngôi báu bỏ kim xa,
Ngôi tòa giác tỉnh, phá quân ma.
Sao mai vừa mọc



Lấp lánh trên trời, sáng chói lòa,
Thành đạo giáng pháp như mưa sa.
Tam thừa Thánh chúng quy tâm,
Vô sanh đã chứng.
Hiện tiền chúng con quy tâm,
Vô sanh sớm chứng.
Bốn loài chín cõi đồng lên cửa huyền
Hoa Tặng.
Tám nạn ba đường chung vào bể tánh
Tỳ Lô.

PHỤC NGUYỆN

**Tam-bảo chứng minh, oai thần
hộ niệm. Bồ-tát, Thanh-văn, Phạm
Vương, Đế Thích và bốn Thiên Vương
chứng, Thiên Long Tám Bộ, Hộ Pháp
thần vương, tất cả thiện thần rủ lòng
tử bi gia hộ:**



**Hiện tiền đệ tử chúng con, nguyện
đem công đức này hồi hướng:**

**Nguyễn cầu Giác linh Tôn sư Hải
Triều Âm báo thân đã mãn, cõi Phật
sen khai. Pháp tánh thường quang,
chân linh không diệt. Trụ Ta Bà vì
hóa đạo, về Tịnh-độ hiển vô sanh.**

Kế nguyện cầu an các Phật tử...
(đọc tên). **Nguyện các Phật tử rộng
cùng pháp giới chúng sanh ba chướng
tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, điều
lành đưa đến, việc xấu qua mau, ách
nạn vứt tan, khỏi yếu đau mau bình
phục, Bồ-đề tâm kiên cố.**

**Khắp nguyện Tăng Ni Phật tử
bốn mùa an lạc, chốn ở phong nhiêu.
Phước tuệ song tu, tùy tâm mãn
nguyện! Phước thọ tăng long, tùy**



tâm mãn nguyện! Hiện tiền Bồ-đề khai phát, Phật sự viên thành, mai sau được Phật Di Đà thọ ký.

**Phổ nguyện chiến tranh chấm dứt,
thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc,
Thầy Tổ dạy bảo, cha mẹ sanh thành,
dàn na tín thí, công phu công quả,
tăng trưởng phước điền.**

**Âm siêu dương thái, pháp giới
chúng sanh đồng thành Phật đạo.**

(Chúng hòa)

Nam mô A Di Đà Phật.

TAM QUY

**- Tự quy y Phật, xin nguyện
chúng sanh hiểu rõ đạo lớn, phát tâm
Bồ-đề. (1 lê)**



- Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh vào sâu kinh tang, trí tuệ như biển. (1 lê)

- Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh thống lý đại chúng, hết thảy không ngại. (1 lê)

(Đúng, một người xướng)

Phục niệm: Mạt pháp Tăng hạnh đạo lực suy vi, chướng duyên khắp chốn. Chỉ trong Bồ-tát thần lực minh tú, khiến pháp luân chuyển xứ, nội chướng ngoại chướng dần dần tiêu. Tăng hải hòa thời, bạn xấu ác ma vĩnh lìa xa. Người người ngộ Tỳ Lô Tánh Hải. Mỗi mỗi vào Phổ Hiền hạnh môn. Cung phụng đàna đồng triêm thắng ích.



(*Chúng hòa*)

**Vi Đà thiên tướng,
Bồ-tát hóa thân,
Üng hộ Phật pháp, thệ rộng sâu.
Chày báu chấn ma quân,
Công đức khó bàn,
Cảm ứng khắp quần tâm.**

Nam mô Phổ Nhã Bồ-tát ma-ha-tát.

(3 lần)

HỒI HƯỚNG

**Công phu công đức thù thắng hạnh,
Vô biên thắng phước con hồi hướng,
Khắp nguyện trầm nịch
bao chúng sanh
Sớm về cõi Phật Quang Vô Lượng.**



**Nguyệt tiêu ba chuồng,
trừ phiền não,
Nguyệt được trí tuệ chơn minh liễu,
Khắp nguyện tội chuồng đều tiêu trừ,
Đời đời thường hành Bồ-tát đạo.**

**Nguyệt sanh Tây phương
cõi Tịnh-độ,
Chín phẩm hoa sen làm cha mẹ,
Hoa nở thấy Phật chứng Vô sanh,
Bất thoái Bồ-tát đồng bạn lữ.**

**Nguyệt đem công đức này,
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.**





(Đúng tung)

VĂN PHÁT THỆ NGUYỆN

– **Nguyện ở hiếu thuận với cha mẹ Sư Tăng, nguyện dặng gấp được Thầy tốt, bạn thiện tri thức, thường dạy bảo cho con các kinh luật đại thừa, dạy cho con về Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa. Cho con hiểu rõ để tu hành đúng chánh pháp. Nguyện giữ vững giới của Phật, thà chết chớ không chịu phai lòng.**

– **Tự thệ rằng: Thà nhảy vào đống lửa, hố sâu, núi dao, quyết không cùng với tất cả người nam làm điều bất tịnh để phạm điều cấm trong kinh luật của tam thế chư Phật.**



**Lại thê rằng: Thà lấy lưỡi sắt nóng
quấn thân mình cả nghìn lớp, quyết
không để thân này phá giới mà thọ
những đồ y phục của tín tâm đàn
việt. Thà chịu nuốt hòn sắt cháy đỏ
và uống nước đồng sôi mãi đến trăm
nghìn kiếp, quyết không để miệng
này phá giới mà ăn các thứ thực
phẩm của tín tâm đàn việt. Thà nằm
trên đống lửa lớn, trên tấm sắt nóng,
quyết không để thân này phá giới mà
nhận lấy các thứ giường ghế của tín
tâm đàn việt. Thà trong một hai kiếp
chịu cho cả trăm gươm giáo đâm vào
mình, quyết không để thân này phá
giới mà thọ các thứ thuốc men của
tín tâm đàn việt. Thà nhảy vào vạc
dầu sôi trong trăm nghìn kiếp quyết**



**không để thân này phá giới mà lanh
những phòng nhà, ruộng vườn, đất
đai của tín tâm đàn việt.**

Lại phát thệ rằng: Thà dùng chày
sắt đập thân này từ đầu tới chân nát
như tro bụi, quyết không để thân
này phá giới mà thọ sự cung kính lê
bái của tín tâm đàn việt.

Lại phát thệ rằng: Thà lấy trăm
nghìn lưỡi gươm dao khoét đôi mắt
mình, quyết không đem tâm phá giới
này mà nhìn xem sắc đẹp của người.
Thà lấy trăm nghìn dùi sắt, đâm
thủng lỗ tai mình trải trong một hai
kiếp, quyết không đem tâm phá giới
này mà nghe tiếng tốt giọng hay.
Thà lấy trăm nghìn lưỡi dao cắt bỏ



**lỗ mũi mình, quyết không đem tâm
phá giới này mà ngửi các mùi thơm.
Thà lấy trăm nghìn lưỡi dao cắt đứt
lưỡi mình, quyết không đem tâm phá
giới này mà ăn các thứ tịnh thực của
người. Thà lấy búa bén chặt chém
thân thể mình, quyết không đem tâm
phá giới này mà tham mặc đồ tốt.**

**- Lại phát nguyện rằng: Nguyện
cho tất cả chúng sanh đều được
thành Phật.**



THÂN CHÚ LĂNG NGHIÊM

CHỮ PHẠN



- I -

- 1. Nam mô sát tát tha, sô ga đa da, a ra ha tê, sam mya sam bô đa sê.**
- 2. Nam mô sát tát tha, bu đa cô ti, si ni sam.**
- 3. Nam mô sát va, bu đa bu ti, sát ta bê tê.**
- 4. Nam mô sát ta nam, sam mya sam bô đa cô ti nam.**
- 5. Sa sê ra pa ca, sảng ga nam.**
- 6. Nam mô lu kê a ra han ta nam.**
- 7. Nam mô su ru ta pa na nam.**
- 8. Nam mô sa khít ri ta ca mi nam.**
- 9. Nam mô lu kê sam mya ca ta nam.**



10. **Sam mya ca pa ra, ti pa ta na nam.**
11. **Nam mô đê va li si nan.**
12. **Nam mô si ta da pi ti da, ta ra li si nan.**
13. **Sê pa nu, go' ra ha, sô ha sa ra ma tha nam.**
14. **Nam mô pát ra ha ma ni.**
15. **Nam mô in đa ra da.**
16. **Nam mô ba ga va tê.**
17. **Ru đa ra da.**
18. **U ma pun ti.**
19. **Sô hê da da.**
20. **Nam mô ba ga va tê.**
21. **Na ra da, na da.**
22. **Phun cha ma ha, sam mu ta ra.**
23. **Nam mô si khít ri ta da.**
24. **Nam mô ba ga va tê.**
25. **Ma ha ca ra da.**
26. **Ti ri pa ra na ga ra.**



27. **Pi ta ra, pa na ca ra da.**
28. **A ti mu tē.**
29. **Si ma sa na ni, ba si ni.**
30. **Ma tát ri ga na.**
31. **Nam mô si khít ri ta da.**
32. **Nam mô ba ga va tē.**
33. **Ta tha ga ta cô ra da.**
34. **Nam mô pát tâu ma cô ra da.**
35. **Nam mô pát cha ra cô ra da.**
36. **Nam mô ma ni cô ra da.**
37. **Nam mô ga cha cô ra da.**
38. **Nam mô ba ga va tē.**
39. **Ti ri đa su ra si na.**
40. **Pa ra ha ra na ra cha da.**
41. **Ta tha ga ta da.**
42. **Nam mô ba ga va tē.**
43. **Nam mô a mi ta ba da.**
44. **Ta tha ga ta da.**



45. **A ra ha tê.**
46. **Sam mya sam bô ða da.**
47. **Nam mô ba ga va tê.**
48. **A sô bi da.**
49. **Ta tha ga ta da.**
50. **A ra ha tê.**
51. **Sam mya sam bô ða da.**
52. **Nam mô ba ga va tê.**
53. **Bi sa cha da, cu ru phi chu ri da.**
54. **Pa ra bà ra cha da.**
55. **Ta tha ga ta da.**
56. **Nam mô ba ga va tê.**
57. **Sam pu su pi ta.**
58. **Sát lin nai ra si cha da.**
59. **Ta tha ga ta da.**
60. **A ra ha tê.**
61. **Sam mya sam bô ða da.**
62. **Nam mô ba ga va tê.**



63. **Sê kê dê mu na dây.**
64. **Ta tha ga ta da.**
65. **A ra ha tê.**
66. **Sam mya sam bô ða da.**
67. **Nam mô ba ga va tê.**
68. **Si tát na kê tu ra cha da.**
69. **Ta tha ga ta da.**
70. **A ra ha tê.**
71. **Sam mya sam bô ða da.**
72. **Ti piêu, nam mô sát khít ri ta.**
73. **Ê ðam, ba ga va ta.**
74. **Sát tát tha, ga tu si ni sam.**
75. **Sát tát ta, pát tát lam.**
76. **Nam mô a ba ra si ðam.**
77. **Pát ra ti, dang ky ra.**
78. **Sát ra ba, pu ta gơ ra ha.**
79. **Ni gơ ra ha, khít ca ra ha ni.**
80. **Pát ra, pi ti da, cha ða ni.**



81. **A ca ra, mórt ri chu.**
82. **Pát ri tát ra da, nang khít ri.**
83. **Sát ra ba, pun đa na, mu sa ni.**
84. **Sát ra ba, tát si cha.**
85. **Tát si pháp, pun ma ni, phát ra ni.**
86. **Chê tu ra, si ti nam.**
87. **Gơ ra ha, sô ha sát ra nha cha.**
88. **Pi ta pang sa na khít ri.**
89. **A si cha pinh sê ti nam.**
90. **Na sa sát tát ra nha cha.**
91. **Pa ra sát tha na khít ri.**
92. **A si cha nam.**
93. **Ma ha gơ ra ha nha cha.**
94. **Pi ta pang sát na khít ri.**
95. **Sát va sê tu ru, ni ba ra nha cha.**
96. **Hu lam tát si pháp, nan cha na sê ni.**
97. **Pi sa sê, si tát ra.**
98. **A kít ni, u đa ca ra nha cha.**



99. A pát ra si ta khu ra.
100. Ma ha pát ra chên chi.
101. Ma ha típ ta.
102. Ma ha ti cha.
103. Ma ha suê ta cha ba ra.
104. Ma ha pát ra pun đa ra, ba si ni.
105. A ri da ta ra.
106. Pi ri cô ti.
107. Si va pi cha da.
108. Pát cha ra, ma ly ty.
109. Pi sê ru ta.
110. Pút tang mang ca.
111. Pát cha ra, chi hô na a cha.
112. Ma ra chi ba, pát ra chi ta.
113. Pát cha ra sin chi.
114. Pi sê ra cha.
115. Sin ta sê, bê đê va, pu si ta.
116. Su ma ru pa.



117. Ma ha suê ta.
118. A ri da ta ra.
119. Ma ha ba ra, a pát ra.
120. Pát cha ra, xương khít ra chê ba.
121. Pát cha ra, cu ma ri.
122. Cu lam ta ri.
123. Pát cha ra, hốt sát ta cha.
124. Pi ti da khin chê na, ma ri ca.
125. Quát su mu, ba khít ra ta na.
126. Vê rô cha na, cu ri da.
127. Da ra thâu, si ni sam.
128. Pi chi lam ba ma ni cha.
129. Pát cha ra, ca na, ca pa ra ba.
130. Rô cha na, pát cha ra, tân chi cha.
131. Suê ta cha, ca ma ra.
132. Sát sa si, pa ra ba.
133. È tê di tê.
134. Mu ta ra, kít na.



135. **Sô bê ra sam.**
136. **Quát pham tu.**
137. **In thâu na, ma ma sê.**

- II -

138. **U hum,**
139. **Ry si kít na.**
140. **Pa ra, sê si ta.**
141. **Sát tát tha, ga tu si ni sam.**
142. **Hu hum,**
143. **Tu ru ung,**
144. **Chim pa na.**
145. **Hu hum,**
146. **Tu ru ung,**
147. **Si đam ba na.**
148. **Hu hum,**
149. **Tu ru ung,**



150. **Pa ra si đì da, sam pát soa, na khít ra.**
151. **Hu hum,**
152. **Tu ru ung,**
153. **Sát va dác sa, hát ra sát sa.**
154. **Gơ ra ha nha cha.**
155. **Pi tang pang sát, na khít ra.**
156. **Hu hum,**
157. **Tu ru ung,**
158. **Chê tu ra, si ti nam.**
159. **Gơ ra ha, sa ha sát ra nam.**
160. **Pi tang pang sát na ra.**
161. **Hu hum,**
162. **Tu ru ung,**
163. **Ra soa,**
164. **Ba ga va.**
165. **Sát tát tha, ga tu si ni sam.**
166. **Pa ra tim, cha kít ri.**
167. **Ma ha, sô ha sát ra.**



168. **Bút su sa, ha sát ra, si ri sa.**
169. **Cô ti, sô ha sát ni, ti lê.**
170. **A pi di si, ba ri ta.**
171. **Cha cha ang ca.**
172. **Ma ha pát cha ru ta ra.**
173. **Ti ri bô ba na.**
174. **Man ta ra.**
175. **U hum,**
176. **Sa si ti, bô ba tu.**
177. **Ma ma,**
178. **In thâu na, ma ma sê.**

- III -

179. **Ra cha ba da.**
180. **Chu ra pát da.**
181. **A chi ni ba da.**
182. **U đà ca ba da.**
183. **Pi sa ba da.**



184. **Sê sát ta ra ba da.**
185. **Ba ra chước khiết ra ba da.**
186. **Tát sít soa ba da.**
187. **A sê ni ba da.**
188. **A ca ra mơ ri chu ba da.**
189. **Đa ra ni, pu mi kim, ba ga va ta ba da.**
190. **U ra ca, ba đa ba da.**
191. **Rát cha than đa ba da.**
192. **Na ga ba da.**
193. **Pi thiêu tát ba da.**
194. **Sô pa ra na ba da.**
195. **Dác soa gợ ra ha.**
196. **Ra soa si gợ ra ha.**
197. **Pê ri ta gợ ra ha.**
198. **Pi sa cha gợ ra ha.**
199. **Pu ta gợ ra ha.**
200. **Cu ban đa gợ ra ha.**
201. **Pu tan na gợ ra ha.**



202. **Ca cha pu tan na gó ra ha.**
203. **Si kin tu gó ra ha.**
204. **A pa si ma ra gó ra ha.**
205. **U than ma ta gó ra ha.**
206. **Sa da gó ra ha.**
207. **Hê ri ba ti gó ra ha.**
208. **Sê ta ha ri nam.**
209. **Khít ba ha ri nam.**
210. **Ru ti ra ha ri nam.**
211. **Mang sa ha ri nam.**
212. **Mê ta ha ri nam.**
213. **Ma cha ha ri nam.**
214. **Cha ta ha ri nu.**
215. **Si pi ta ha ri nam.**
216. **Pi ta ha ri nam.**
217. **Ba đà ha ri nam.**
218. **A su cha ha ri nu.**
219. **Chít ta ha ri nu.**



220. **Ti sam sát bi sam.**
221. **Sát va gợ ra ha nam.**
222. **Pi đa da cha, san đa da mi**
223. **Kê ra da mi,**
224. **Pa ri pát ra chê ca, cát ri tam.**
225. **Pi đa da cha, san đa da mi**
226. **Kê ra da mi,**
227. **Đa din ni, cát ri tam.**
228. **Pi đa da cha, san đa da mi**
229. **Kê ra da mi,**
230. **Ma ha pát su pát tát da,**
231. **Ru đa ra, cát ri tam.**
232. **Pi đa da cha, san đa da mi**
233. **Kê ra da mi,**
234. **Na ra da na, cát ri tam.**
235. **Pi đa da cha, san đa da mi**
236. **Kê ra da mi,**
237. **Tát toa ga ru đa si, cát ri tam.**



238. Pi đa da cha, san đa da mi
239. Kê ra da mi,
240. Ma ha ca ra, ma tát ri ga na, cát ri tam.
241. Pi đa da cha, san đa da mi
242. Kê ra da mi,
243. Ca pa ri ca, cát ri tam.
244. Pi đa da cha, san đa da mi
245. Kê ra da mi,
246. Cha da khít ra, ma tu khít ra.
247. Sát va ra tha sa tát na, cát ri tam.
248. Pi đa da cha, san đa da mi
249. Kê ra da mi,
250. Chư chát ra, ba ky ni, cát ri tam.
251. Pi đa da cha, san đa da mi
252. Kê ra da mi,
253. Pi ri dang cát ri chi
254. Nan đa kê sa ra, ga na phun ti.
255. Sát hê da, cát ri tam.



256. **Pi đa da cha, san đa da mi**
257. **Kê ra da mi,**
258. **Na khít na sa ra ba na, cát ri tam.**
259. **Pi đa da cha, san đa da mi**
260. **Kê ra da mi,**
261. **A ra han, cát ri tam, pi đa da cha, san
đa da mi,**
262. **Kê ra da mi,**
263. **Pi ta ra ga, cát ri tam.**
264. **Pi đa da cha, san đa da mi**
265. **Kê ra da mi, pát cha ra pa mi,**
266. **Cu hê da cu hê da,**
267. **Ca đi pát ti cát ri tam.**
268. **Pi đa da cha, san đa da mi**
269. **Kê ra da mi,**
270. **Ra soa mang,**
271. **Ba ga va,**
272. **In thâu na ma ma sê.**



- IV -

273. **Ba ga va,**
274. **Si ta ta, pa tơ ra.**
275. **Nam mô suy tu tê.**
276. **A si ta na ra chi ca.**
277. **Pa ra va, si phu cha.**
278. **Pi ca sát tát ta pát ti ri.**
279. **Sập phật ra sập phật ra,**
280. **Đa ra đa ra,**
281. **Văn đa ra, văn đa ra, san đa san đa.**
282. **Hu hum,**
283. **Hu hum.**
284. **Phun cha,**
285. **Phun cha, phun cha, phun cha, phun cha.**
286. **Sô ha,**
287. **Hê hê phun.**
288. **A mâu ca da phun.**



289. A pa ra dê ha ta phun.
290. Ba ra pa ra ta phun.
291. A sô ra, pi ta ra, pa ca phun.
292. Sát va dê bê pi phun.
293. Sát va na ga pi phun.
294. Sát va dác sa pi phun.
295. Sát va gan đa va pi phun.
296. Sát va pu ta na pi phun.
297. Ca cha pu ta na pi phun.
298. Sát va tát lang chi ti pi phun.
299. Sát va tát sít pi lây, cát si ti pi phun.
300. Sát va sấp ba lay pi phun.
301. Sát va a pa si mô lay pi phun.
302. Sát va sê ra ba na pi phun.
303. Sát va ti tê kê pi phun.
304. Sát va tát ma ta ky pi phun.
305. Sát va pi ta da ra si cha lây pi phun.
306. Cha da khít ra, ma tu khít ra,



307. **Sát va ra tha sa đa kê pi phun.**
308. **Pi ti da cha lây pi phun.**
309. **Chê tu ra, phác ky ni pi phun.**
310. **Pát cha ra, cu ma ri,**
311. **Pi ta da, ra si pi phun.**
312. **Ma ha pa ra tinh dang, soa ky ri pi phun.**
313. **Pát cha ra sang khít ra da,**
314. **Pa ra chang ky ra cha da phun.**
315. **Ma ha ca ra da,**
316. **Ma ha mút tát ri ca na,**
317. **Nam mô sa khít ri ta da phun.**
318. **Pi si na phi dây phun.**
319. **Pu ra ha mâu ni dây phun.**
320. **A ky ni dây phun.**
321. **Ma ha khít ri dây phun.**
322. **Khít ra than chi dây phun.**
323. **Mít tát ri dây phun.**
324. **Ru tát ri dây phun.**



325. **Cha man đa dây phun.**
326. **Khít la ra tát ri dây phun.**
327. **Ca phun ri dây phun.**
328. **A ti mu chít ta, ca si ma sa na,**
329. **Ba su ni dây phun.**
330. **Din kít chít,**
331. **Sát tô va sê,**
332. **Ma ma in thâu na ma ma sê.**

- V -

333. **Tát si cha chít ta.**
334. **A mút tát ri chít ta.**
335. **U cha ha ra.**
336. **Ga ba ha ra.**
337. **Rô ti ra ha ra.**
338. **Ba sa ha ra.**
339. **Ma cha ha ra.**
340. **Cha ta ha ra.**



341. **Si pi ta ha ra.**
342. **Pát lác da ha ra.**
343. **Khin ta ha ra.**
344. **Pu sư pa ha ra.**
345. **Phô ra ha ra.**
346. **Ba sê ha ra.**
347. **Pún pa chít ta.**
348. **Tát si cha chít ta.**
349. **Lu ta ra chít ta.**
350. **Dác sa gơ ra ha.**
351. **Ra sát sa gơ ra ha.**
352. **Pay lê ta gơ ra ha.**
353. **Pi sa cha gơ ra ha.**
354. **Pu ta gơ ra ha.**
355. **Cu ban đà gơ ra ha.**
356. **Si khin ta gơ ra ha.**
357. **U tát ma ta gơ ra ha.**
358. **Sê dê gơ ra ha.**
359. **A pa sát ma ra gơ ra ha.**



360. **Chác khu cát, đa ky ni gợ ra ha.**
361. **Ri pút ti gợ ra ha.**
362. **Cha mi ca gợ ra ha.**
363. **Sa cu ni gợ ra ha.**
364. **Mu ta ra, nan ti ca gợ ra ha.**
365. **A lam ba gợ ra ha.**
366. **Khin tu pa ni gợ ra ha.**
367. **Sập phật ra, in ca hô ca.**
368. **Chuy ti đặc ca.**
369. **Tát lê ti đặc ca.**
370. **Chê tát thác ca.**
371. **Ni đê sập phật ra, pi sam ma sập phật ra.**
372. **Pô ti ca,**
373. **Pi ti ca,**
374. **Sít lê si mi ca.**
375. **Sa ni pun ti ca.**
376. **Sát va sập phật ra.**
377. **Sít ru kít tê.**
378. **Mút đa bi tát ru chê kim.**



379. **A y ru khim.**
380. **Mu khu ru khim.**
381. **Khít ri tát ru khim.**
382. **Khít ra ha, khít lam.**
383. **Khít na su lam.**
384. **Tan ta su lam.**
385. **Ngát ri da su lam.**
386. **Mát ma su lam.**
387. **Pát ri si ba su lam.**
388. **Pi lát si cha su lam.**
389. **U ta ra su lam.**
390. **Khít chi su lam.**
391. **Pát si ti su lam.**
392. **U ru su lam.**
393. **Sang ca su lam.**
394. **Hát si ta su lam.**
395. **Pát ta su lam.**
396. **Sa phang ang ca pát ra, chang kha su lam.**



397. **Pu ta bi ta đa.**
398. **Đa ky ni sáp ba ra.**
399. **Ta tát ru ca, kin chát ru kít chi, ba lu ta pi.**
400. **Sát pát ru ha lang ca.**
401. **Su sa tát ra, sa na khít ra.**
402. **Pi sa du ca.**
403. **A ky ni, u ta ca.**
404. **Mát ra bê ra, kin ta ra.**
405. **A ca ra, mít ri chát, than lim pu ca.**
406. **Ti lát chi cha.**
407. **Pi ri sít chít ca.**
408. **Sát va na khu ra.**
409. **Si dan ga pi, khít ra ri dác sa, tát ra sô.**
410. **Mát ra si, phê ti sam sa bê sam.**
411. **Si ta ta, pa tơ ra.**
412. **Ma ha pát cha ru, sít ni sam.**
413. **Ma ha pa ra chang ky lam.**
414. **Da pa tát đa sa du cha na.**



415. **Pin tan ly na.**
416. **Pi đa da, ban đam ca ru mi.**
417. **Ti su, ban đam ca ru mi.**
418. **Pát ra pi đa, ban đam ca ru mi.**
419. **Ta đya tha.**
420. **A ôm,**
421. **A na lê,**
422. **Bi su đê,**
423. **Bê ra, pát cha ra, đa ri.**
424. **Pun đa pun đa ni,**
425. **Pát cha ra pang ni phun.**
426. **Hu hum tu ru ung phun,**
427. **Sô va ha.**

[Âm Việt Nam theo bản tiếng sanscrit (*chữ Phạn*). Sư cụ Tuệ Nhuận xuất bản ở Hà Nội năm 1949].



Công đức

THẦN CHÚ LĂNG NGHIÊM



Anan, những câu nhiệm mầu, những bài kệ bí mật Phật đindh quang tụ Tát đát đa bát đát ra xuất sanh mười phương chư Phật. Mười phương Như Lai nhân chú tâm này, thành Vô-thượng Chánh biến tri giác. Mười phương Như Lai nắm chú tâm này uốn dẹp các ma, chế phục ngoại đạo. Mười phương Như Lai vận chú tâm này ngôi hoa sen báu ứng hiện vi trần cõi nước. Mười phương Như Lai ngậm chú tâm này nơi vi trần cõi chuyển đại pháp luân. Mười phương Như Lai giữ chú tâm này xoa đindh thọ ký cho các Bồ-tát. Tự mình quả vị chưa thành, nương chú tâm này sẽ được mười phương Phật



thọ ký. Mười phương Như Lai nương chú tâm này cứu vớt các khổ địa ngục, ngã quỷ, bàng sanh, đui điếc ngọng câm, oán thù gắp gỡ, ân ái biệt ly, cầu bất đắc, năm ấm xí thịnh. Tai nạn lớn nhỏ đồng thời giải thoát. Nạn giặc, binh, vua, nước, gió, lửa, tù ngục cho đến đói khát bần cùng đều được tiêu tan. Mười phương Như Lai theo chú tâm này ở khắp mười phương phụng sự thiện tri thức, cúng dường như ý. Trong pháp hội hằng sa Như Lai, trì chú tâm này được suy tôn là đại Pháp-vương-tử. Mười phương Như Lai dùng chú tâm này nhiếp thọ thân nhân, khiến hàng tiếu thừa nghe tạng bí mật không sanh kinh sợ. Mười phương Như Lai truyền chú tâm này, sau khi diệt độ, phó chúc pháp sự được cứu cánh trụ trì, nghiêm tịnh giới luật ắt được thanh tịnh.

Nếu ta nói chú Phật đindh quang tụ Bát đát ra này từ sáng đến tối, âm thanh nối nhau, chữ câu không trùng điệp, trải qua kiếp số như cát sông



Hằng cõng không cùng tận⁽¹⁾. Chú này cũng gọi là Như Lai đindh.

Các ông còn hữu học cầu quả A-la-hán, không trì chú này quyết không tránh khỏi ma sự. Anan, viết chép chú này trên vỏ cây, lá bối, giấy trắng, lụa là, đựng trong túi thơm hoặc đeo trên mình, hoặc thờ trong nhà thì trọn đời tất cả các thứ độc không hại được, kiếp kiếp chẳng sanh vào những nơi bần cùng hạ tiện chẳng được vừa ý.

Anan, ta tuyên lại chú này để cứu giúp thế gian thoát khổ sợ hãi, thành tựu trí tuệ xuất thế gian. Sau khi ta diệt độ, đời mạt pháp ai tụng hay dạy người tụng thì những thần chú ác của thiên long quỷ thần tinh kỳ ma mị đều vô can. Dù chưa được chánh thọ, tất cả chú trớ yểm cổ thuốc độc, kim độc, ngân độc và các độc khí

1. Tổ Giao Quang dạy: Sử dụng vô tận của chư Phật, trí lực chúng sanh khó hiểu tới.



vào miệng người ấy đều thành cam lồ. Tất cả ác tinh, ác quỷ thần, không thể khởi ác niệm. Dạ Ca và các ác độc Quỷ vương, vì đã lãnh ơn sâu nên thường giữ gìn ủng hộ. Thần chú này có 84.000 na do tha hằng hà sa câu chi chủng tộc Kim Cương Tạng Vương Bồ-tát cùng quyến thuộc ngày đêm theo hầu. Trì chú này dù tâm tán loạn, các Ngài vẫn không bỏ. Đối với người Bồ-đề tâm quyết định thì các Ngài chuyên thầm xúc tiến để khai sáng thần thức, khiến có thể nhớ lại 84.000 hằng hà sa kiếp. Đời đời không sanh vào các loài ác độc.

Mười phương Như Lai có bao nhiêu công đức đều cho người trì chú. Hằng hà sa kiếp thường cùng chư Phật đồng sanh một chỗ. Vô lượng công đức nhóm lại như chùm ác-xoa. Vì đồng với Phật một chỗ huân tu, nên phá giới trở về thanh tịnh, chưa được giới khiến được giới, không trì trai giới tự thành trai giới, chưa tinh tấn khiến



tinh tấn, không trí tuệ khiến có trí tuệ. Dù xưa kia đã phạm cấm giới, sau khi trì chú, bao tội nặng nhẹ nhất thời tiêu diệt. Uống rượu, ăn ngũ tân, các thứ không sạch, tất cả chư Phật, Bồ-tát, Kim Cương, Thiên Tiên, Quý Thần đều tha thứ. Tất cả hành vi cử động đều được coi như thanh tịnh. Y phục rách nát bẩn thỉu cũng không lỗi. Dù không lập đàn, không vào đạo tràng, không hành đạo mà trì chú này công đức vẫn viên mãn. Ngũ nghịch, vô gián, tứ khí, bát khí, một khi tụng chú này như gió mạnh thổi tan đống cát. Đọc, tụng, chép thần chú, đeo trên thân, để nơi chỗ ở, tất cả tội chướng nặng nhẹ từ vô lượng kiếp đều tiêu tan như tuyết gấp nước sôi, chẳng bao lâu sẽ chứng Vô sanh nhẫn.

Chí tâm nhớ niệm thần chú hoặc đeo trên mình thì cầu con liền được con trai, con gái phước đức trí tuệ. Cầu sống lâu được sống lâu. Cầu quả báo mau viên mãn mau được viên mãn.



Về thân mạng sắc lực cầu gì cũng được như ý.
Mạng chung tùy nguyện vãng sanh mười phương
Tịnh-độ. Chắc chắn không lạc về biên địa hạ
tiện, huống nữa là các tạp hình.

Này Anan, viết thần chú này để trên bốn cửa
thành, các tháp hay trên nóc nhà; khiến nhân
dân kính rước chú này, lễ bái cung kính nhất
tâm cúng dường; khiến mỗi người đeo chú trong
mình hoặc để nơi chỗ ở; thì tất cả các nạn đói
kém, bệnh dịch đao binh... tất cả các thứ tai ách
thầy đều tiêu tan.

Này Anan, nơi nào có thần chú này, thiên
long vui mừng, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được
mùa, dân chúng an vui, đêm ngày ngủ yên không
ác mộng. Cõi Ta Bà có 84.000 ác tinh, 28 đại ác
tinh làm thượng thủ, đứng chủ là 8 đại ác tinh,
xuất hiện nhiều hình trạng, gây ra các tai nạn
dị kỳ. Chỗ nào có thần chú này, nội trong 12 do
tuần, không còn những tai biến hung dữ ấy.



Vậy nên, Như Lai truyền dạy chú này để bảo vệ vị lai các hàng sơ học vào chánh định được thân tâm thư thái an ổn. Những oan khiên đời trước, nghiệp cũ nợ xưa không còn khuấy hại. Anan cùng hàng hữu học, những kẻ tu hành vị lai, y pháp lập đàn tràng, Giới sư giới tử thanh tịnh, đối với chú tâm này không nghi hối, nếu chính nơi thân cha mẹ sanh ra không được tâm thông, thì mười phương Như Lai đều là vọng ngũ.



HẢI TRIỀU ÂM TOÀN TẬP



* **ĐÃ XUẤT BẢN:**

KINH:

1. Kinh Tứ Thập Nhị Chương - Kinh Di Giáo
- Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn.
2. Kinh A Hàm Toát Yếu.
3. Kinh Nhân Duyên.
4. Kinh Tứ Niệm Xứ.
5. Kinh Tứ Niệm Xứ Giảng Nghĩa.
6. Kinh Thủ Lăng Nghiêm.
7. Kinh Thủ Lăng Nghiêm & Lăng Nghiêm
Chính Mạch Toát Yếu.
8. Kinh Thủ Lăng Nghiêm Giảng Nghĩa
(Phần 1 - Samatha).
9. Kinh Thủ Lăng Nghiêm Giảng Nghĩa
(Phần 2 - Tamma).



10. Đạo Tràng Bát Nhã & Kim Cang Giảng Luận.
11. Bát Nhã Ba La Mật Đa.
12. Kinh Bi Hoa.
13. Kinh A Di Đà Yếu Giải.
14. Pháp Hoa Thông Nghĩa.
15. Hạnh An Vui - Trí Độ Luận - Học Kinh Pháp Hoa.
16. Phổ Môn Giảng Lục.
17. Những Bài Kinh Ngắn.
18. Kinh Niệm Phật Ba La Mật.
19. Kinh Lăng Già.
20. Kinh Lăng Già Toát Yếu.
21. Kinh Phật Bản Hạnh Tập.
22. Kinh Viên Giác - Kinh Duy Ma Cật: Phẩm Văn Thủ Thăm Bệnh.

KINH TỤNG:

23. Kinh Nhật Tụng.
24. Phổ Môn - Sám Sáu Căn - Hồng Danh Bảo Sám.
25. Kinh Dược Sư.
26. Kinh Cahyna.



27. Kinh Vu Lan - Phật Nói Kinh Đại Báo Phụ Mẫu Trọng Ân.
28. Khóa Lê Tịnh Độ.
29. Khóa Tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm.
30. Khoa Phóng Sanh.
31. Biệt Khoa Cúng Thầy.
32. Từ Bi Địa Tạng Bảo Sám.
33. Kinh Kim Quang Minh.
34. Sám Nguyện Tịnh Độ - Tịnh Độ Thủ Ân - Tán Lê Tây Phương - Lê Đại Hồng Chung.
35. Quán Âm Quảng Trần & Ngũ Bách Danh.

LUẬT:

36. Luật Học.
37. Tam Quy Và Ngũ Giới.
38. Sadini Luật Nghi Toát Yếu.
39. Thức Xoa Ma Na Luật Nghi.
40. Nghi Thức Bố Tát - Bồ Tát Giới Bổn.
41. Nghi Thức Bố Tát - Tỳ Kheo Ni Giới Bổn.
42. Hai Cánh Nhà Ni.
43. Tục Khắc Trùng Trị Tỳ Ni Sự Nghĩa Tập Yếu.



44. Luật Học Cương Yếu - Luật Tu Xuất Gia.
45. Kinh Phạm Võng.
46. Bồ Tát Giới Giảng Nghĩa.
47. Văn Sám Hối Tỳ Kheo Ni.
48. Tỳ Ni Hương Nhū - Phẩm Tịnh Hạnh - Chương Ly Cầu Địa.

LUẬN:

49. Khai Thị.
50. Căn Bản Đạo Lộ.
51. Căn Bản Phật Pháp - Cốt Tủy Giáo Lý Phật.
52. Phật Học Đức Dục.
53. Sự Tích Phật A Di Đà - Lá Thư Tịnh Độ - Hạnh Thanh Tịnh - Tây Phương Du Ký.
54. Niệm Phật Thập Yếu - Trồng Sen.
55. Tư Quy Tập.
56. Quy Nguyên Trực Chỉ.
57. Tịnh Độ Quyết Nghi.
58. Niệm Phật Viên Thông.
59. Luận Đại Thừa Khởi Tín & Chỉ Quán.
60. Niệm Phật Tam Muội.



SÁCH:

61. Tôn Giả Xá Lợi Phất.
62. Pháp Bảo.
63. Tiểu Sử Sư Trưởng Hải Triều Âm.
64. Di Chúc.
65. Bốn Mùa Hoa Giác.
66. Làm Chùa.
67. Những Lá Thư Thầy.
68. Chăn Trâu.
69. Sống Chết Bình An - Mông Sơn Thí Thực.
70. Hương Vị Giải Thoát.
71. Vô Ngã Là Niết Bàn.
72. Nghiệp Và Phương Pháp Tẩy Nghiệp.
73. Hương Trầm.
74. Vài Suy Ngẫm.
75. Khuyên Phóng Sanh.
76. Răn Sát Sanh.
77. Pháp Môn Tịnh Độ.
78. Dấu Chân Hương Tượng - Cẩm Nang Tu Đạo - Uống Nước Nhớ Nguồn - Sử Liệu.

*** SÊ XUẤT BẢN:**

79. Thiền Học Nguyên Thủy & Thiền Minh Sát.
80. Thập Tín.
81. Bản Đồ Kinh Hoa Nghiêm.
82. Kinh Pháp Cú.
83. Hiển Giáo.
84. Mật Giáo.
85. Kinh A Di Đà Sớ Sao.
86. Kinh Thủ Lăng Nghiêm Giảng Nghĩa
(Phần 3 - Thiền na).

... (*Còn tiếp*)

Nam mô Tây phương An Lạc thế giới
Đại từ Đại bi tiếp dẫn Đạo sư
A Di Đà Phật.

Nam mô Nhĩ căn Viên thông
Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát
tâm thanh phô độ.

Cung nguyện tiếp dẫn giác linh
Tôn sư HẢI TRIỀU ÂM
đạt liên cung thượng phẩm,
ngự cảnh An Dưỡng quê hương.
Ấn Tổ lưu truyền,
đèn Phật sáng trưng mãi mãi.

Âm siêu dương thái,
pháp giới chúng sanh
đồng thành Phật đạo.

NGUYỆN ĐEM CÔNG ĐỨC ẤN TỐNG

NGUYỆN CẦU



Dịch bệnh virus Corona tại Việt Nam và trên toàn thế giới sớm được tiêu trừ, vạn dân an lạc, thoát khổ脱离 nghèo, sở cầu như ý.

Đội ngũ các y bác sĩ, điều dưỡng, các mạnh thường quân, binh sĩ quân đội, các cơ quan ban ngành, phục vụ cho công cuộc phòng chống dịch Corona, sức khỏe được dồi dào, phước đức trang nghiêm, có thêm sức mạnh từ tâm, chăm sóc phục vụ bệnh nhân, gia quyến bình an mạnh khỏe.

Tất cả bệnh nhân bệnh cẩn thuyên giảm, hồn mang bình an. Những nạn nhân quá vãng, được sanh về cảnh giới an lành.

Nam mô A Di Đà Phật.

KHÓA TỰNG THẦN CHÚ THỦ LĂNG NGHIÊM

Tỳ-kheo-ni Hải Triều Âm soạn dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY
Biên tập: Nguyễn Thị Liên
Trình bày & bìa: Khánh Chi

Sửa bản in: **Liên Nguyễn & Tỳ-kheo-ni Bảo Giác**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM
ĐT: (028)38225340 - 38296764 - 38247225 - Fax: 028.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: www.nxbhcm.com.vn/Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM - ĐT: 028.38256804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86-88 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP.HCM - ĐT: 028.38433868

Gian hàng M01 - Đường sách Thành phố Hồ Chí Minh,
Đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đơn vị liên kết:

Chùa Dược Sư

Địa chỉ:

Số 351, thôn Phú An, xã Phú Hội,
huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

In lần thứ nhất, số lượng 1.000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm. Tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng. Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P.13, Q. Tân Bình, TP.HCM. XNĐKXB số: 2349-2021/CXBIPH/02-164/THTPHCM. QĐXB số: 419/QĐ-THTPHCM-2021 ngày 05/7/2021. ISBN: 978-604-335-241-2. In xong và nộp lưu chiểu quý III/2021.